

ĐỀ XUẤT BỘ CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

Lê Văn Hùng

Nguyễn Ngọc Trung

Tóm tắt: Trong vài thập kỷ gần đây, Việt Nam là một trong những quốc gia có sự quan tâm đặc biệt tới vấn đề phát triển bền vững. Đã có một số bộ chỉ tiêu được ban hành nhằm theo dõi, giám sát và đánh giá về phát triển bền vững. Các bộ chỉ tiêu này đã có một số chỉ tiêu cụ thể đo lường phát triển kinh tế bền vững. Tuy nhiên, cho tới thời điểm hiện tại, cả cấp trung ương và địa phương chưa có bộ chỉ số đo lường riêng về phát triển kinh tế bền vững được ban hành. Hơn thế, các chỉ tiêu đo lường liên quan tới phát triển kinh tế bền vững hiện được đưa ra chưa đầy đủ hoặc còn thiếu tính hệ thống. Chính vì vậy, nghiên cứu này từ tổng quan cơ sở lý thuyết nhằm đưa ra khung khổ đề xuất bộ chỉ tiêu đo lường phát triển kinh tế bền vững cho Việt Nam một cách hệ thống và hoàn thiện hơn.

Từ khóa: Chỉ số; Phát triển kinh tế bền vững; Việt Nam.

Giới thiệu

Ở Việt Nam, một số bộ chỉ tiêu đo lường phát triển bền vững đã được ban hành và thực hiện ở cấp trung ương và địa phương nhằm theo dõi, giám sát thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Đầu tiên, bộ chỉ tiêu phát triển bền vững (PTBV) được Cục Môi trường ban hành thử nghiệm với 80 chỉ tiêu chủ yếu tập trung vào lĩnh vực môi trường. Cụ thể, bộ chỉ tiêu này có 3 chỉ tiêu kinh tế, 17 chỉ tiêu xã hội; và 44 chỉ tiêu về môi trường.

Năm 2012, bộ chỉ tiêu giám sát và đánh giá PTBV với 30 chỉ tiêu (3 chỉ tiêu tổng hợp, 10 chỉ tiêu về kinh tế, 10 chỉ tiêu về xã hội và 7 chỉ tiêu về tài nguyên và môi trường) được ban hành kèm theo Quyết định 432/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược PTBV Việt Nam giai đoạn 2011-2020. Năm 2013, Quyết định số 2157/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá PTBV địa phương giai đoạn 2013-2020 bao gồm 43 chỉ tiêu, trong đó, lĩnh vực kinh tế có 7 chỉ tiêu.

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT quy định bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam nhằm cung cấp số liệu đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam với 158 chỉ tiêu thuộc 17 nhóm mục tiêu. Các chỉ tiêu thống kê này đã bao hàm khá nhiều các chỉ số ở khía cạnh phát triển kinh tế, xã hội, môi trường. Trong đó, nhóm mục tiêu về Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người với 17 chỉ tiêu cụ thể.

Một số nghiên cứu cũng đã xây dựng các bộ tiêu chí đo lường phát triển bền vững như Trần Văn Ý và cộng sự (2014) với bộ tiêu chí đánh giá PTBV cho các tỉnh Tây Nguyên trong đó có 77 chỉ tiêu cấp vùng, 70 chỉ tiêu cấp tỉnh và 49 chỉ tiêu cấp huyện và được nhóm một cách

trương đối vào các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường.

Những bộ tiêu chí đo lường phát triển bền vững nói chung góp phần quan trọng, giúp các cơ quan quản lý nhà nước theo dõi, giám sát và đánh giá thực trạng và xu hướng phát triển bền vững ở Việt Nam. Tuy nhiên, các chỉ tiêu, chỉ số liên quan tới phát triển kinh tế bền vững của các bộ chỉ tiêu nói trên vẫn còn những khiếm khuyết cần bổ sung hoàn thiện. Cụ thể:

Thứ nhất, các bộ chỉ tiêu hiện tại chủ yếu đo lường chung về phát triển bền vững, chưa có bộ chỉ số riêng đo lường về chỉ số phát triển kinh tế bền vững. Thứ hai, các chỉ tiêu đo lường về kinh tế chưa được xây dựng theo khung khổ đo lường một cách hệ thống và đầy đủ. Do đó, một số chỉ tiêu đo lường có thể trùng nhau về mục đích đánh giá hay một số chỉ tiêu, chỉ số quan trọng liên quan tới các nội dung của phát triển kinh tế bền vững còn chưa đầy đủ. Thứ ba, các bộ chỉ tiêu chưa tính tới tính khả thi, tính phù hợp với bối cảnh thực tiễn nên nhiều chỉ tiêu, chỉ báo đưa ra nhưng chưa đo lường được.

Từ những vấn đề nêu trên, trên cơ sở tổng quan cơ sở lý thuyết về phát triển kinh tế bền vững, bài viết sẽ xây dựng khung khổ xác định và đề xuất các nhóm chỉ số đo lường phát triển kinh tế bền vững, nhất là ở cấp địa phương. Bộ chỉ số đề xuất mới nhằm đảm bảo đo lường phát triển kinh tế bền vững có tính khoa học, tính khả thi, có thể theo dõi theo thời gian và phù hợp với bối cảnh phát triển trong nước và quốc tế.

1. Khái niệm và nội hàm phát triển kinh tế bền vững

Phát triển kinh tế là một quá trình tăng thu nhập thực tế đầu người trong một thời gian nhất định, đồng thời số lượng người dưới mức nghèo không tăng và bất bình đẳng trong phân phối thu nhập không tăng (Meier, 1976, tr. 6). Phát triển kinh tế là một phần của phát triển và liên quan tới tăng trưởng, sản phẩm đầu ra bình quân đầu người, những thay đổi về công nghệ hay sáng tạo.

Sự khác biệt cơ bản giữa phát triển kinh tế và phát triển kinh tế bền vững đó là: phát triển kinh tế có thể được phân tích độc lập với các khía cạnh xã hội và môi trường và có thể đo lường bằng các chỉ số kinh tế như tăng trưởng, thay đổi công nghệ hay sản phẩm đầu ra bình quân; phát triển kinh tế bền vững không thể tách rời yếu tố kinh tế khỏi các yếu tố xã hội và môi trường. Ngoài ra, phát triển kinh tế bền vững có tính đa chiều và khó có thể đo lường đơn thuần bởi những chỉ số về kinh tế. Phát triển kinh tế bền vững liên quan trực tiếp đến quá trình đảm bảo sinh kế của con người trong điều kiện hệ sinh thái được bảo vệ trong dài hạn và không tổn hại đến những giá trị văn hóa xã hội khác (Barbier, 1987).

Phát triển kinh tế bền vững được xem xét dưới 2 cấp độ vi mô và vĩ mô. Ở cấp vi mô, Bartelmus (1986) cho rằng, vấn đề môi trường tại các quốc gia đang phát triển xuất phát chính từ sự kém phát triển của các quốc gia này và nằm ở cấp độ cá nhân. Người nghèo không có lựa chọn nào khác ngoài việc tạo ra thu nhập với cái giá phải trả là môi trường và sinh kế của chính họ trong tương lai. Ví dụ như việc phát rừng hoặc khai thác quặng. Bởi vậy, phát triển kinh tế bền vững cần đảm bảo cho người nghèo có thể tiếp cận và duy trì được sinh kế trong tương lai. Tóm lại, phát triển kinh tế bền vững liên quan trực tiếp tới việc cải thiện mức sống của người nghèo ở cấp “cơ sở” (grassroots level). Sự cải thiện về mức sống có thể được đo lường bằng lương thực, thu nhập thực, dịch vụ giáo dục, y tế, vệ sinh và nước sạch, dự trữ lương thực và tiền mặt, nguồn nước... Bên cạnh đó, sự cải thiện về mức sống này phải đặt trong điều kiện tối thiểu hóa những tác động tiêu cực đến môi trường, văn hóa và xã hội.

Ở cấp độ vĩ mô, phát triển kinh tế bền vững có thể được hiểu là nền kinh tế xanh (green economy) hoặc nền kinh tế với hàm lượng các bon thấp (low-carbon economy). Trong đó, tăng trưởng xanh (green growth) là một trong những chiến lược quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế bền vững. Tăng trưởng xanh

không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng tăng trưởng mà còn ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình sản xuất. Nói cách khác, tăng trưởng xanh là thành quả của quá trình đầu tư nâng cấp toàn bộ hệ thống sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường và tiết kiệm nguyên liệu sản xuất (Martin, 2012).

Ngày nay, phát triển kinh tế bền vững hay tăng trưởng xanh đã trở thành xu thế toàn cầu và đã được cụ thể hóa trong nhiều tổ chức quốc tế như OECD, UNEP hay Ủy ban Châu Âu. Theo OECD (2011), “tăng trưởng xanh là việc thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, đồng thời đảm bảo các tài sản tự nhiên có thể tiếp tục cung cấp nguồn lực cho cuộc sống”. Lưu ý rằng, tăng trưởng xanh không phải là sự thay thế cho phát triển bền vững. Thay vào đó, tăng trưởng xanh nên được coi là một cấu phần của phát triển bền vững với phạm vi hẹp nhằm tạo điều kiện cho cải tiến, đầu tư cho phát triển kinh tế và khả năng chống chịu của hệ sinh thái. Ở một góc nhìn khác, UNEP (2011) đề cập đến nền kinh tế xanh và cho rằng, một nền kinh tế xanh là kết quả của việc cải thiện phúc lợi con người (human well-being) và công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu tối đa những rủi ro về mặt môi trường và hệ sinh thái. Tương tự như khái niệm về tăng trưởng xanh, kinh tế xanh không thay thế cho phát triển bền vững nhưng chỉ ra rằng, phát triển bền vững sẽ đạt được khi phát triển kinh tế một cách đúng đắn. Khi đó, xanh hóa nền kinh tế là một bước quan trọng để hướng tới phát triển bền vững.

Theo O'Connor (2000), nền kinh tế bền vững khi không có những yếu tố gây ra rủi ro đối với sự bền vững kinh tế của chính nó. Do đó, quá trình phát triển kinh tế phải đảm bảo bền vững cả về môi trường, xã hội và thể chế. Tương tự, Ủy ban Cố vấn bền vững của Hội đồng Phát triển Kinh tế quốc tế (IEDC) và Mạng lưới Các nhà điều hành Phát triển bền vững đô thị (Urban Sustainability Directors Network) cũng đã thống nhất đưa ra định nghĩa về phát triển kinh tế bền vững đó là: “Đầu tư vào môi trường kinh doanh, xã hội, và môi

trường tự nhiên nhằm gia tăng sự thịnh vượng cho tất cả mọi người trong hiện tại và tương lai”.

Ở Việt Nam, một số nghiên cứu đưa ra khái niệm về PTKTBV như Bùi Tất Thắng (2017), PTKTBV phải đảm bảo tính bền vững bên trong quá trình phát triển kinh tế (tăng trưởng kinh tế bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế mang tính bền vững, đảm bảo sự bình đẳng) cũng như tính bền vững của các yếu tố bên ngoài của quá trình phát triển (môi trường sinh thái và phát triển kinh tế bền vững, tính bền vững của phát triển xã hội và phát triển kinh tế, thể chế và sự phát triển bền vững). Đỗ Thị Kim Tiên (2020) cho rằng, “PTKTBV là sự tăng tiến nhanh, an toàn và có chất lượng về mọi mặt của nền kinh tế (như quy mô sản lượng, sự tiến bộ về cơ cấu kinh tế,...). Quá trình phát triển này đòi hỏi các chủ thể trong hệ thống kinh tế có cơ hội tiếp cận các nguồn lực và chia sẻ nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách bình đẳng. Các chính sách không chỉ tập trung mang lại lợi ích cho một số ít mà phải tạo ra sự thịnh vượng cho tất cả mọi người; đồng thời, bảo đảm trong một giới hạn cho phép của hệ sinh thái, không xâm phạm những quyền cơ bản của con người.”

Từ tổng quan các nghiên cứu các khái niệm, nội hàm về PTKTBV, có thể hiểu phát triển kinh tế bền vững là việc kết hợp sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực đầu vào nhằm tạo ra năng suất, năng lực cạnh tranh cao và ổn định trong dài hạn. Quá trình này giúp nền kinh tế cải thiện cả về quy mô, số lượng và chất lượng phát triển, từ đó nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho tất cả mọi người trong xã hội mà vẫn đảm bảo duy trì chất lượng môi trường sinh thái.

Phát triển kinh tế bền vững với mục tiêu phát triển kinh tế là trọng tâm nhưng đặt ra yêu cầu về cơ hội tham gia bình đẳng của mọi người dân vào quá trình phát triển. Để phát triển kinh tế bền vững, quá trình sản xuất và tiêu dùng cũng phải đảm bảo các vấn đề về môi trường, sinh thái từ khâu khai thác, chế biến, phân phối, sử dụng và tái chế các sản phẩm. Nói cách khác,

quá trình phát triển kinh tế bền vững làm sao sử dụng hiệu quả nhất nguồn lực tài nguyên và ít gây ra những hiệu ứng tiêu cực về môi trường. Có thể nói, phát triển kinh tế bền vững là một bộ phận cấu thành không thể thiếu của phát triển bền vững. Phát triển bền vững với yêu cầu cao hơn là phải đảm bảo phát triển cân bằng giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và môi trường trong khi phát triển kinh tế bền vững có mục tiêu trọng tâm là phát triển kinh tế nhưng cần đảm bảo sự tham gia, hưởng lợi của mọi người và đảm bảo các vấn đề về môi trường.

2. Các cách tiếp cận liên quan tới phát triển kinh tế bền vững

Tiếp cận hàm sản xuất

Lý thuyết kinh tế học đã chỉ rõ nguồn lực và kết hợp sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu vào chính là yếu tố cơ bản tạo ra tăng trưởng và phát triển kinh tế. Về mặt lý thuyết, những quốc gia có lợi về các yếu tố đầu vào sẽ có cơ hội tốt hơn trong phát triển kinh tế. Tuy nhiên, điều này không hoàn toàn đúng bởi việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực đầu vào có ý nghĩa quan trọng có tính quyết định tới tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững trong dài hạn. Kết quả này được khẳng định khá rõ qua thực tiễn phát triển giữa các quốc gia trên thế giới. Nhiều quốc gia có nhiều lợi thế đất đai, tài nguyên khoáng sản nhưng không thể trở thành quốc gia phát triển (thậm chí còn trở thành quốc gia nghèo khổ hơn) trong khi có nhiều quốc gia không có được những lợi thế này nhưng lại phát triển vượt bậc.

Dưới góc độ sản xuất, các lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế (từ các nhà kinh tế cổ điển (như Adam Smith, Ricardo và Marx), tân cổ điển (Solow), hiện đại (Romer) đều cho rằng, năng lực các yếu tố đầu vào, tích lũy vốn và đầu tư là yếu tố quan trọng nhất tạo ra tăng trưởng và tổng sản phẩm quốc dân của mỗi quốc gia. Trong khi các nhà kinh tế học cổ điển nhấn mạnh vai trò của tài nguyên, đất đai đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế thì các nhà kinh tế tân cổ điển nhấn mạnh vai trò của vốn, lao động và tiến bộ

công nghệ. Còn theo các nhà kinh tế hiện đại, bên cạnh các yếu tố đầu vào như vốn, lao động, công nghệ nhưng tiến bộ công nghệ lại được quyết định bởi vốn trí thức và điều này lại phụ thuộc vào đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, chi tiêu cho giáo dục.

Nghiên cứu của Arrow et al. (2004), Barbier (2006) cho rằng, vốn tự nhiên, vốn con người và vốn vật chất là 3 cấu phần của tổng nguồn vốn xã hội. Các quốc gia, các địa phương phải quyết định sử dụng nguồn vốn này một cách tốt nhất để cải thiện phúc lợi và đồng thời phải quyết định giữ lại hoặc tích lũy bao nhiêu vốn xã hội cho phúc lợi của thế hệ tương lai. Tuy nhiên, nếu như Arrow et al. (2004) cho rằng, việc tích lũy đủ vốn vật chất và vốn con người có thể thay thế cho vốn tự nhiên, thì Barbier (2006) cho rằng, nguồn vốn tự nhiên là vô cùng quan trọng và coi vốn tự nhiên là không thể thay thế và khi đã mất đi thì không thể lấy lại. Theo Serageldin (1997); Pearce (1997); Serageldin và Steer (1996), phát triển bền vững về kinh tế nhất thiết phải duy trì thu nhập bền vững cho con người mà không làm giảm các loại vốn tích lũy hay ít nhất không làm thay đổi vốn nhân lực, vốn đầu tư, vốn tự nhiên và vốn xã hội.

Dưới các tiếp cận hàm sản xuất, các yếu tố đầu vào có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế. Dù mỗi thời kỳ, giai đoạn khác nhau, vai trò của mỗi loại đầu vào là khác nhau đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, các nhóm đầu vào quan trọng như tài nguyên, vốn, lao động, công nghệ là những đầu vào không thể thiếu và có tính quyết định đối với phát triển kinh tế trong dài hạn cùng yếu tố môi trường kinh doanh.

Tóm lại, cách tiếp cận dưới góc độ sản xuất, các nhà kinh tế chủ yếu mới xem xét ở góc độ đầu vào và hiệu quả sử dụng đầu vào cho sản xuất nhằm mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà chưa chú ý tới các kết quả đầu ra khác và phân bổ kết quả đầu ra đối với nền kinh tế. Bên cạnh đó, các khía cạnh về môi trường, xã hội từ phát triển kinh tế cũng ít được đề cập trong mô hình này.

Tiếp cận kinh tế xanh, bền vững

Đối với phát triển kinh tế bền vững, việc đạt được năng suất, hiệu quả về mặt kinh tế là chưa đủ mà cần đảm bảo sử dụng hợp lý tài nguyên, ít tác động tiêu cực tới môi trường sinh thái và cần có trách nhiệm phục hồi môi trường sinh thái ít nhất như ban đầu.

Các tổ chức ủng hộ mạnh mẽ các quốc gia thực hiện kinh tế xanh, tăng trưởng xanh như ICC, UNEP, UNDP. Về cơ bản, theo lý thuyết này, tăng trưởng và phát triển kinh tế không chỉ chú trọng việc sử dụng đầu vào hiệu quả của nền kinh tế mà cần chú trọng các kết quả đầu ra đạt được và sử dụng, việc tiêu dùng đầu ra này có ảnh hưởng như thế nào tới môi trường sinh thái. Quá trình sản xuất và tiêu dùng sản phẩm phục vụ con người cần bảo vệ và duy trì môi trường, giữ gìn nguồn lực tự nhiên cho thế hệ tương lai. Kinh tế xanh lần đầu được nhắc tới bởi nhóm nghiên cứu Pearce, Markandya và Barbier (1989). Tiếp đó, UNEP thực hiện Sáng kiến kinh tế xanh nhằm ứng phó với khủng hoảng kinh tế và tình trạng suy thoái về môi trường toàn cầu ngày càng nghiêm trọng. Theo UNEP (2011), kinh tế xanh vừa mang lại sự thịnh vượng và công bằng cho mọi người trong xã hội, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường và sinh thái. Tương tự, ICC (2012) cho rằng, kinh tế xanh không chỉ chú trọng tới kết quả tăng trưởng về kinh tế mà cần có trách nhiệm với môi trường cũng như hỗ trợ phát triển xã hội. Ủy ban kinh tế - xã hội khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của Liên hợp quốc (ESCAP, 2012) nhấn mạnh tăng trưởng xanh là quá trình phát triển kinh tế phải tạo ra sự bền vững về môi trường, giảm khí CO₂ và bao trùm về xã hội. Quan điểm này cũng khá đồng nhất với OECD (2011) khi cho rằng, tăng trưởng xanh là lựa chọn hợp lý để thực hiện mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế nhưng vẫn bảo tồn môi trường, đa dạng sinh học, và sử dụng tài nguyên bền vững.

Để phát triển kinh tế theo hướng xanh và bền vững, nhiều phương thức sản xuất và tiêu dùng được triển khai thực hiện như kinh tế tuần

hoàn nhằm giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi các nguyên liệu trong quá trình sản xuất, phân phối và tiêu dùng sản phẩm nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững (Korhonen, Honkasalo, và Seppälä, 2018). Bên cạnh mô hình kinh tế tuần hoàn, nhiều mô hình hoạt động khác nhằm xanh hóa sản xuất và giảm thiểu ô nhiễm, giảm phát thải khí nhà kính như mô hình khu công nghiệp sinh thái, công viên công nghiệp xanh.

Đối với sản xuất xanh, quản lý và công nghệ được sử dụng để tối thiểu hóa cũng như kiểm soát lượng phát thải từ quá trình sản xuất. Mục đích của sản xuất xanh là tiết kiệm năng lượng, giảm tiêu thụ năng lượng và giảm ô nhiễm (Tsai et al., 2015). Cách tiếp cận này hướng thẳng đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp theo đuổi phát triển bền vững phải tích hợp yếu tố trách nhiệm xã hội trong chiến lược phát triển của mình. Sản xuất xanh được chia thành 2 cấu phần: năng lượng xanh và các quy trình sản xuất xanh và các sản phẩm xanh liên quan đến môi trường. Cấu phần thứ nhất đòi hỏi các doanh nghiệp phải lựa chọn những nguồn lực xanh (như năng lượng gió, mặt trời hay những năng lượng có thể tái tạo được). Bên cạnh đó, doanh nghiệp sử dụng nhiên liệu hóa thạch sạch, sử dụng công nghệ không chất thải hoặc tối thiểu hóa chất thải cũng như tái chế và tái sử dụng nguyên liệu thô và rác thải. Ngoài ra, các doanh nghiệp phải có hệ thống xử lý chất thải toàn diện. Cấu phần thứ hai đòi hỏi các vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất phải không độc hại và có thể phân hủy. Các sản phẩm phải có chức năng và tuổi thọ sử dụng hợp lý, đồng thời có các đặc tính tiết kiệm năng lượng, nước, điện năng và độ ồn thấp; sản phẩm không được gây hại cho sức khỏe con người hoặc môi trường sinh thái sau khi sử dụng, và phải dễ dàng tái chế, tái sử dụng và làm mới. Đối với quá trình sản xuất xanh, Tsai (2015) chỉ ra 4 chiều cạnh là: Hiệu quả hoạt động xanh (green operating efficiency); Bảo vệ môi trường (Environmental protection); Hiệu quả sử dụng nguồn lực (Effective use of resources) và Đóng góp cho cộng đồng

(Contribution to the community). Trong mỗi chiều cạnh, các tác giả đề xuất các chỉ tiêu để có thể đo lường quá trình sản xuất xanh.

Ở góc độ tiêu dùng, hành vi tiêu dùng của con người cũng dần thay đổi nhờ nhận thức về các vấn đề chung về môi trường. Nhiều quốc gia đã ban hành luật, các chính sách thúc đẩy mua sắm xanh, mua sắm công xanh. Với những chính sách và nhận thức của người tiêu dùng, nhiều sản phẩm xanh dù có giá thành cao hơn nhưng nhiều khách hàng vẫn lựa chọn với mong muốn an toàn sức khỏe và giảm ô nhiễm.

Cách tiếp cận kinh tế xanh, bền vững đã nhấn mạnh tới vấn đề sản xuất và tiêu dùng bền vững nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và giảm phát thải khí nhà kính. Trong bối cảnh nguồn năng lượng và nguyên liệu ngày càng khan hiếm, biến đổi khí hậu và xu hướng công nghiệp hóa, đô thị hóa vẫn đang diễn ra nhanh, nhất là ở các nước đang phát triển, việc chú trọng tới sản xuất và tiêu dùng xanh là xu hướng tất yếu. Tuy nhiên, cách tiếp cận này dù có đề cập tới sự tham gia của người nghèo vào tăng trưởng xanh nhưng những luận điểm liên quan tới chia sẻ lợi ích, sự tham gia của mọi người dân vào quá trình này chưa thực sự đậm nét.

Tiếp cận phúc lợi và tăng trưởng bao trùm

Bên cạnh việc sử dụng hiệu quả tối đa nguồn lực, lý thuyết này đề cập đến chất lượng phát triển của nền kinh tế được xem xét dưới góc độ phân phối công bằng. Hay nói cách khác là chất lượng cuộc sống thực sự người dân nhận được từ kết quả tăng trưởng, phát triển kinh tế tối ưu nhất. Cách tiếp cận này chú trọng tới việc phân bổ các nguồn lực và hàng hóa từ kết quả đầu ra làm gia tăng phúc lợi của người dân; giữa hiệu quả kinh tế với phân phối thu nhập nhằm gia tăng phúc lợi chung cho mọi người dân trong nền kinh tế. Đây cũng là chỉ số thành phần quan trọng phản ánh mức độ và trình độ phát triển kinh tế thực sự của mỗi quốc gia, mỗi địa phương.

Đại diện cho cách tiếp cận này có nhiều học giả như Pigou, Marshall, Hicks, Kaldor,

Acemoglu, Amartya Sen. Theo UNDP (2008, 2015) và ADB (2014), với quan điểm tăng trưởng toàn diện, người dân được tham gia và hưởng lợi từ quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế. Dưới góc độ đầu vào sản xuất, quá trình tăng trưởng kinh tế sẽ tạo cơ hội tham gia công bằng cho mọi người dân. Dưới góc độ đầu ra (outcome), tăng trưởng kinh tế mang lại lợi ích cho tất cả các nhóm thu nhập, các vùng miền, các nhóm dân tộc.

Acemoglu & cộng sự (2004) và Acemoglu & Robinson (2013) cho rằng, những quốc gia đạt được tăng trưởng cao và bền vững nhờ thành quả phát triển kinh tế được phân bổ tương đối công bằng cho các thành phần, đối tượng trong xã hội. Kinh nghiệm cho thấy rằng, nếu phân hóa giàu nghèo quá lớn sẽ gây ra những bất ổn lớn trong xã hội và từ đó tác động tiêu cực tới phát triển kinh tế trong dài hạn.

3. Đề xuất khung khổ và chỉ số đo lường phát triển bền vững

Dựa vào khung khổ phân tích đầu vào đầu ra, hoạt động kinh tế bao gồm 4 cấu phần chính đó là: năng lực đầu vào, hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu vào, kết quả đầu ra và phân bổ kết quả đầu ra/phúc lợi. Những cấu phần này đều có vai trò quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế bền vững, việc xem xét, đánh giá đầy đủ theo qui trình khép kín từ khâu năng lực đầu vào, kết hợp sử dụng đầu vào, đầu ra, phân bổ kết quả đầu ra là cần thiết. Các chỉ số kết quả ở mỗi khâu này đều có tác động, ảnh hưởng tới các chỉ số ở các khâu khác và ngược lại.

Để xác định chính xác các nội dung thành phần một cách khoa học, nội dung về đầu vào và hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu vào được dựa vào cách tiếp cận hàm sản xuất và cách tiếp cận sản xuất theo hướng xanh, bền vững để đánh giá và đo lường phát triển kinh tế bền vững. Bên cạnh sự hiệu quả về kinh tế, quá trình sử dụng đầu vào cho sản xuất cần tiết kiệm tài nguyên và năng lượng.

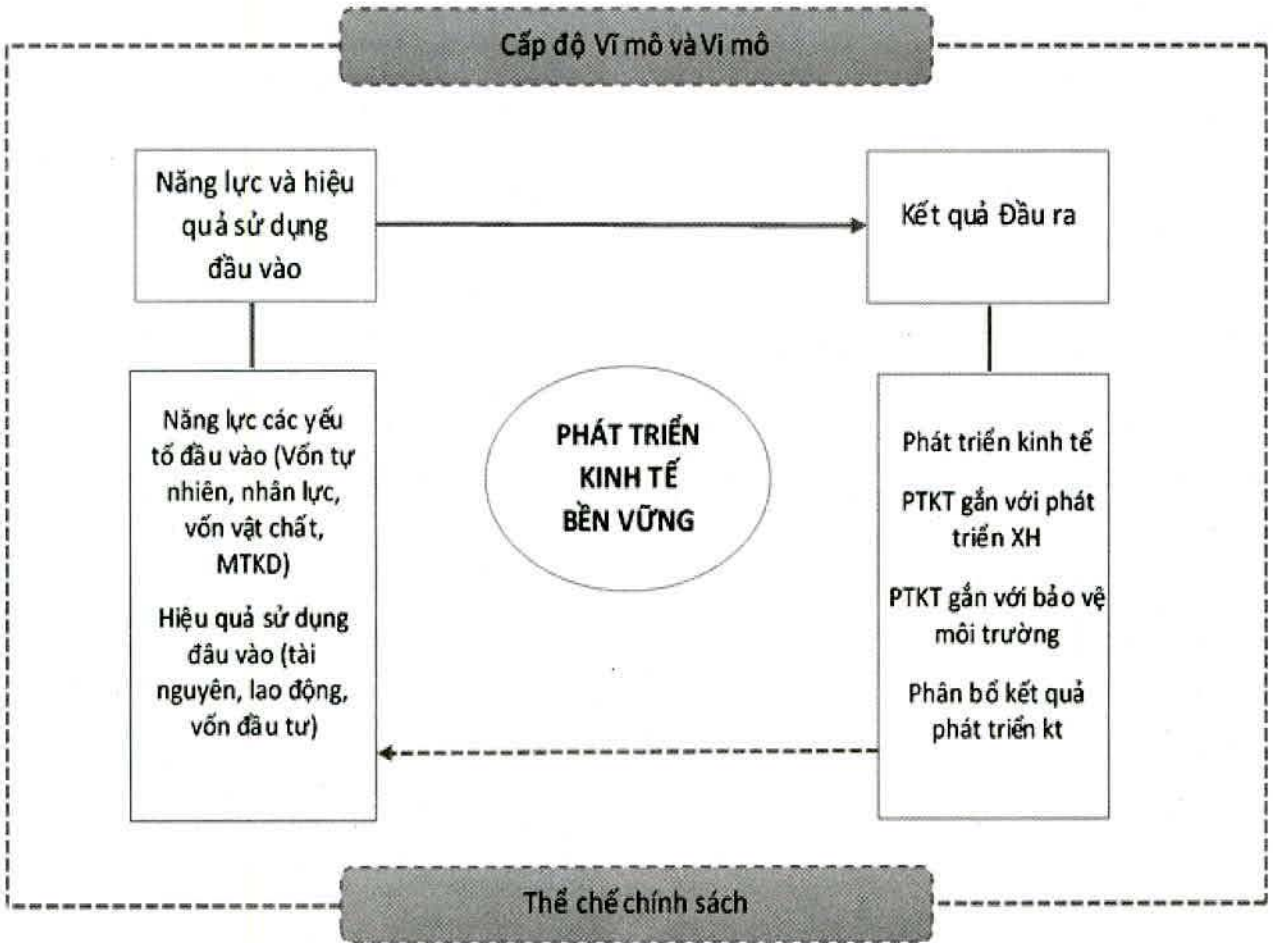
Trong khi đó nội dung yếu tố đầu ra dựa vào cách tiếp cận phát triển bền vững, phát triển bao

trùm để xem xét, đánh giá một cách toàn diện kết quả đầu ra của nền kinh tế. Kết quả đầu ra không chỉ xem xét về thành tựu kinh tế mà quá trình này cần đảm bảo thúc đẩy toàn xã hội tham gia vào quá trình tăng trưởng, phát triển kinh tế. Quá trình phát triển kinh tế cũng được xem xét đồng thời những kết quả về môi trường, sinh thái.

Có thể nói, phát triển kinh tế bền vững là một chu trình khép kín nên bất cứ hoạt động nào

trong mỗi khâu, từ năng lực yếu tố đầu vào, hiệu quả sử dụng nguồn lực, kết quả đầu ra phát triển kinh tế và phân bổ kết quả đầu ra đều có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nếu chỉ số ở khâu nào không tốt cũng sẽ ảnh hưởng tới các khâu còn lại trong dài hạn. Chính vì vậy, để đảm bảo duy trì nền kinh tế tăng trưởng và phát triển bền vững, các địa phương và Việt Nam nói chung đều phải duy trì vận hành hệ thống kinh tế một cách đồng bộ và hợp lý.

HÌNH 1. KHUNG KHỔ ĐO LƯỜNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG



Từ khung khổ đo lường phát triển bền vững, các nhóm chỉ số cụ thể được đề xuất đo lường về năng lực các yếu tố đầu vào và môi trường kinh doanh, hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu vào, kết quả đầu ra về phát triển kinh tế, phát triển kinh tế gắn với xã hội, phát

triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và phúc lợi và tính bao trùm của phát triển kinh tế.

Các chỉ số đo lường được xác định trên nguyên tắc đảm bảo tính khoa học, cách tính toán không quá phức tạp, có tính khả thi, đảm bảo có thể theo dõi theo thời gian và có thể so sánh giữa các địa phương.

BẢNG 1. BỘ CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG

	Các chỉ báo cụ thể	Công thức đo lường
I	Năng lực các yếu tố đầu vào và môi trường sản xuất kinh doanh	
1	Vốn đầu tư xã hội bình quân lao động	Tổng vốn đầu tư thực hiện theo giá so sánh (2010)/Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc
2	Chi tiêu cho R&D	Tổng đầu tư cho hoạt động chuyên môn, KHCN (giá so sánh 2010)/ Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc
3	Tỷ lệ lao động tham gia làm việc	Tỷ lệ LĐ từ 15 tuổi trở lên đang làm việc/tổng dân số
4	Chất lượng lao động	Tỷ lệ LĐ qua đào tạo/lực lượng LĐ từ 15 tuổi trở lên
5	Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng năng lượng sản xuất	Tỷ lệ năng lượng tái tạo (gồm cả thủy điện)/Tổng cung năng lượng sơ cấp
6	Môi trường kinh doanh của tỉnh/thành phố	Chỉ số PCI
7	Mức độ phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin	Chỉ số ICT
II	Hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu vào	
8	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư	Chỉ số ICOR((ICOR _t -ICOR _{t-1})/ICOR _t *100)
9	Năng suất bình quân lao động	Tổng giá trị gia tăng/Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc
10	Hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp	Giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp/diện tích sản xuất NLNN
11	Hiệu quả sử dụng đất phi nông nghiệp	Giá trị gia tăng của ngành phi nông nghiệp/diện tích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp
12	Hiệu quả sử dụng năng lượng	Tiêu dùng năng lượng/Tổng giá trị gia tăng VA
13	Hiệu quả sử dụng nước	Tổng VA/giá trị sản xuất trên đơn vị nước sử dụng cho sản xuất
III	Kết quả đầu ra về phát triển về kinh tế	
14	GDP xanh	GDP xanh= GDP-Ω (Ω: Chi phí khử chất thải, tiêu dùng tài nguyên của các hoạt động kinh tế)
15	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	(GRDP _t -GRDP _{t-1})/GRDP _t
16	GRDP bình quân đầu người	Tổng giá trị gia tăng/tổng dân số
17	Cán cân ngân sách	Tổng thu ngân sách - Tổng chi ngân sách/GDP
18	Lạm phát	Tốc độ gia tăng chỉ số giá tiêu dùng
19	Tỷ lệ nợ công	Tổng nợ công quốc gia/GDP
IV	Phát triển kinh tế gắn với xã hội	
20	Tỷ lệ thất nghiệp	Số người tìm việc không có việc làm/Lực lượng lao động

21	Tỷ lệ lao động có bảo hiểm xã hội	Số người tham gia BHXH/Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc
22	Tỷ lệ lao động làm việc giản đơn	Tổng số việc làm giản đơn/Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc
V	Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường	
23	Mức độ phụ thuộc vào nông nghiệp	Giá trị VA ngành nông nghiệp/GRDP
24	Mức độ phụ thuộc vào tài nguyên khoáng sản của nền kinh tế	Tổng VA lĩnh vực khoáng sản/Tổng GRDP địa phương
25	Nước thải từ sản xuất kinh doanh được thu gom xử lý	Tỷ lệ KCN, KCX có khu xử lý nước thải tập trung
	Xử lý chất thải rắn	Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom xử lý
26	Tỷ lệ che phủ rừng	Tổng diện tích có rừng/tổng diện tích tự nhiên
VI	Phúc lợi và tính bao trùm	
27	Thu nhập bình quân đầu người	Thu nhập hàng tháng/người
28	Bất bình đẳng kinh tế	Thu nhập bình quân đầu người của 20% hộ giàu nhất/Thu nhập bình quân đầu người 10% hộ nghèo nhất
29	Tỷ lệ hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo/Tổng số hộ
30	Tỷ lệ dân số đô thị	Tỷ lệ dân số sống ở khu vực đô thị/tổng dân số

Kết luận

Trong những thập niên gần đây, Việt Nam đã có nhiều chính sách nhằm thực hiện mục phát triển bền vững thông qua các chương trình mục tiêu cụ thể cũng như các bộ chỉ tiêu giám sát đo lường. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có bộ chỉ số đo lường phát triển kinh tế bền vững hoàn chỉnh, đảm bảo nguyên tắc khoa học, tính khả thi và có thể đo lường, theo dõi theo thời gian. Đặc biệt, bộ chỉ số phát triển kinh tế bền vững có thể so sánh giữa các địa phương. Trên

cơ sở đó, bài viết tổng quan và khái quát cơ sở lý luận về phát triển kinh tế bền vững nhằm đưa ra khung khổ xác định các chỉ số đo lường cụ thể. Bộ chỉ số được xác định dưới các góc độ về năng lực đầu vào, hiệu quả sử dụng đầu vào, các kết quả đầu ra của phát triển kinh tế và phân bổ kết quả đầu ra. Bộ chỉ số đề xuất sẽ giúp các cơ quan quản lý nhà nước ở cấp trung ương và địa phương có thể theo dõi, giám sát và đánh giá tình hình phát triển kinh tế bền vững nhằm có các công cụ điều chỉnh phù hợp hơn trong giai đoạn tới.

Tài liệu tham khảo

1. Acemoglu D., Johnson, S. & Robinson, J. (2004). *Institutions As the Fundamental Cause of Long-Run Economic Growth*, in Aghion, P. & Durlauf, S. (eds.), *Handbook of Economic Growth*.

2. Acemoglu D., & Robinson, J. (2013). *Tại sao các quốc gia thất bại: Nguồn gốc của quyền lực, thịnh vượng và nghèo đói*. Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
3. ADB (2014). *Framework of Inclusive Growth Indicators 2014*. s.l., Printed in the Phillipines.
4. Arrow, K., Dasgupta, P., Goulder, L., Daily, G., Ehrlich, P., Heal, G., ... Walker, B. (2004). Are We Consuming Too Much? *Journal of Economic Perspectives*, 18(3), 147–172.
5. Barbier, E. B. (1987). The Concept of Sustainable Economic Development. *Environmental Conservation*, 14(2), 101–110.
6. Bùi Tất Thắng (2017). Phát triển kinh tế bền vững và những vấn đề đặt ra đối với đầu tư công. Trang web [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/ttncdtbh/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM117180].
7. Barbier, E. B. (2006). *Natural Resources and Economic Development*. Cambridge.
8. Bartelmus (1986). *Environment and Development*, Allen & Unwin, Massachusettes, USA.
9. Đỗ Thị Kim Tiên (2020). Phát triển bền vững về kinh tế ở Việt Nam – vấn đề và giải pháp. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*. tháng 5/2020.
10. ESCAP (2012). *Low carbon green growth roadmap for Asia and the Pacific*. United Nations, Bangkok.
11. ICC (2012). *Green Economy Roadmap – executive summary*. International Chamber of Commerce
- Klasen, Klasen (2010). *Measuring and Monitoring Inclusive Growth: Multiple Definitions, Open Questions, and Some Constructive Proposals*. ADB Sustainable Development Working Paper Series. No.12.
12. Tsai, S.-B., Xue, Y.-Z., Huang, P.-Y., Zhou, J., Li, G.-D., Guo, W.-F., ... Shang, Z.-W. (2015). Establishing a criteria system for green production. *Proceedings of the Institution of Mechanical Engineers, Part B: Journal of Engineering Manufacture*, 229(8), 1395–1406. <https://doi.org/10.1177/0954405414535923>.
13. Meier, Gerald M. (1976). *Leading Issues in Economic Development*, 3rd edn. Oxford University Press, New York, NY, USA: xv + 862 pp.
14. Martin, J. (2012). “Green growth”: From a growing eco-industry to economic sustainability. *Energy Policy*, 48, 13–21. <https://doi.org/10.1016/j.enpol.2012.04.045>
15. OECD. (2011). *Towards green growth*.
16. O'Connor, M., (2000). Natural Capital, EVE Policy Research Brief No. 3. Trang web [https://www.researchgate.net/publication/330400714_Natural_Capital_EVE_Concerted_Action_Environmental_Valuation_in_Europe_Policy_Brief_Number_3]
17. Pearce, D., Markandya, A., & Barbier, E. B. (1989). Blue Print for a Green Trang web [https://www.researchgate.net/publication/39015804_Blueprint_for_a_Green_Economy]
18. UNEP. (2011). *Towards a Green Economy: Pathways to Sustainable Development and Poverty Eradication - A Synthesis for Policy Makers*. Retrieved from www.unep.org/greeneconomy.
19. Serageldin, I. and Steer, A. (1996). *Sustainability and the Wealth of Nations; First Steps in an Ongoing Journey*. The World Bank, Washington DC.
20. Serageldin, I. (Ed.) (1997). *Expanding the Measure of Wealth, Indicators of Environmentally Sustainable Development*, The World Bank, Washington DC.
21. Pearce, D.W. (1997). ‘Substitution and sustainability: some reflections on Georgescu-Roegen’, *Ecological Economics*, Vol. 22, No. 3, pp.295–297.
22. Trần Văn Ý và cộng sự (2014). Xây dựng bộ chỉ tiêu phát triển bền vững về các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường các tỉnh Tây Nguyên. *Tạp chí Các khoa học về trái đất*, Số 36 (3) tháng 9/2014, tr. 241–251.

23. Korhonen, Honkasalo, và Seppälä (2018). Circular Economy: The Concept and its Limitations. *Ecological Economics*. 143, 37-46.
24. UNDP (2015). *Tăng trưởng vì mọi người: Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2015 về tăng trưởng bao trùm*.

Thông tin tác giả:

1. Lê Văn Hùng, TS.

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng.
- Địa chỉ email: hunglevan78@gmail.com

2. Nguyễn Ngọc Trung, TS.

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng.

Ngày nhận bài: 13/12/2022

Ngày nhận bản sửa: 10/1/2023

Ngày duyệt đăng: 08/2/2023